

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 15/5/2025.

V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Hồ

Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Huyền Giao – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (chị T – có mặt)

2/ Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (anh K - vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện vụ án hôn nhân đề ngày 18 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T (sau đây gọi tắt là chị T) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Lê Văn K (sau đây gọi tắt là anh K) đăng ký kết hôn

với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/01/2022. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hoà hợp, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Nay không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa chị T yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về con chung: Chị T và anh K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2022, đơn xác nhận nơi cư trú.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn K được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng anh Lê Văn K vắng mặt không có lý do. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và K đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/01/2022. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng tính tình không hoà hợp, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, chị T cương quyết ly hôn với anh K, thời gian ly thân với nhau anh chị không có biện pháp hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị T và anh K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014004, ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình đối với Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Lê Văn K.
2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014004, ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Loan